

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề hoạt động  
sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP**

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐQTCSVN ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, cụ thể như sau:

**1. Ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ của Tập đoàn** (tại mục 8, mục 10, mục 11, mục 20 và mục 25, Khoản 1, Điều 4)

| TT  | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 8.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành 6810)<br>Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản (trên cơ sở đất trồng trồng cây cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở) | 6810     |
| 10. | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát điện nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật.                                                                                                                                             | 3511     |
| 11. | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát điện nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật.                                                                                                                              | 3512     |
| 20. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                              | 5510     |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: đầu tư, xây dựng khai thác các nhà máy phát nhiệt điện, thủy điện, phong điện; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật.                                                                                                                                        | 4299     |

**2. Đề xuất điều chỉnh ngành nghề kinh doanh theo Điều lệ sửa đổi** (tại mục 8, mục 10, mục 11, mục 20 và mục 25, Khoản 1, Điều 4)

| <b>TT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Mã ngành</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 8.        | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, kho bãi (trên cơ sở đất trồng cây cao su chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch của địa phương) | 6810            |
| 10.       | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát điện nhiệt điện, thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện khác; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật.                                                                                                                           | 3511            |
| 11.       | Truyền tải điện, phân phối điện<br>Chi tiết: Công nghiệp điện: đầu tư, khai thác, vận hành các nhà máy phát điện nhiệt điện, thủy điện, điện gió; kinh doanh điện theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                    | 3512            |
| 20.       | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở); nhà tập thể cho người lao động nước ngoài và các đối tượng khác (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                      | 5510            |
| 25.       | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công trình điện có điện áp đến 110KV.                                                                                                                                                                      | 4299            |

**3. Đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Điều lệ sửa đổi** (tại mục 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, Khoản 1, Điều 4)

| <b>TT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Mã ngành</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 37.       | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.<br>Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì các nhà máy điện và các công trình công nghiệp; dịch vụ thí nghiệm điện và hóa dầu phục vụ công nghiệp điện năng và các lĩnh vực liên quan; dịch vụ thử nghiệm, hiệu chuẩn thiết bị cơ, điện, không điện (áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, tốc độ, thời gian, hàm lượng khí, hành trình, trọng lượng) trong nhà máy điện, trạm biến áp và công trình/nhà máy công nghiệp; dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và trang bị an toàn điện. | 7490            |
| 38.       | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết:<br>- Dịch vụ quản lý dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công công trình năng lượng, công trình thủy điện, hệ thống trong công trình dân dụng - công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7110            |

| <b>TT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Mã ngành</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp.</li> <li>- Khảo sát địa hình, khảo sát địa điểm, khảo sát địa chất thủy văn, đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đo đạc bản đồ địa chính, quan trắc biến dạng, quan trắc bồi lắng hồ chứa, tư vấn thiết kế quan trắc (công trình công nghiệp, điện, công trình viễn thông, thông tin, xây dựng dân dụng, cơ sở hạ tầng)</li> </ul> |                 |
| 39.       | Xây dựng công trình điện.<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4221            |
| 40.       | Xây dựng công trình thủy.<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, bến cảng, cầu cống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4291            |
| 41.       | Hoạt động tư vấn quản lý.<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7020            |
| 42.       | Sửa chữa thiết bị điện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314            |
| 43.       | Lắp đặt hệ thống điện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321            |
| 44.       | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4669            |
| 45.       | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322            |
| 46.       | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329            |

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD, Ban KS;
- Đăng Website TĐ;
- Lưu: VT, TCCB.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Trần Công Kha**